

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
PHÂN MÔN LỊCH SỬ											
1	VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	1. Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn 4. Phong trào Tây Sơn 5. Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII	2TN						1TL		5 tiết 20 % 2 điểm
			4TN								
2	CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	2. Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. 3. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ	2TN				1TL			1TL	5 tiết 30% 3 điểm

		nghĩa Marx									
Tỉ lệ			20%		15%		10%		5%		50%
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ											
1	ĐỊA HÌNH VIỆT NAM (4TIẾT)	Địa hình Việt Nam	2TN								4 tiết 5,0% 0,5 điểm
2	KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM (9TIẾT)	1.Khí hậu Việt Nam	6TN					1TL		1TL	5 tiết 45,0% 4,5 điểm
		2. Thủy văn Việt Nam				1TL					
Tỉ lệ			20%		15%		10%		5%		50%
Tổng hợp chung			40%		30%		20%		10%		100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

[illegible]

			nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.				
2	CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	2. Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. 3. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx	Nhận biết -Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. – Trình bày được một số hoạt động chính của Karl – Nêu được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Thông hiểu – Trình bày được ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới. Vận dụng Từ sự thất bại công xã Pa-Ri, rút ra bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào cách mạng thế giới.	2TN	1TL		1TL
Số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20	15	10	5
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ							
1	ĐỊA HÌNH VIỆT NAM (4 TIẾT)	Địa hình Việt Nam	Nhận biết: Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình	2TN			

			bờ biển và thêm lục địa.				
2	KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM (9 TIẾT)	1.Khí hậu Việt Nam	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam. Vận dụng – Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. Vận dụng cao: Liên hệ thực tế và trình bày được đặc điểm khí hậu của địa phương.	6TN		1TL	1TL
		2. Thủy văn Việt Nam	Thông hiểu: Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.		1TL		
Số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20	15	10	5
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

III. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,00 điểm).

Chọn ý trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau:

Câu 1. Trong bối cảnh nhà Lê suy yếu, bất lực, người đã phế truất vua Lê và thành lập triều Mạc

- A. Mạc Đĩnh Chi B. Mạc Đăng Dung. C. Lê Chiêu Thống D. Trịnh Kiểm.

Câu 2. Chiến tranh Nam – Bắc triều diễn ra giữa các thế lực phong kiến

- A. Nhà Mạc với nhà Nguyễn. B. Nhà Mạc với nhà Lê.
C. Nhà Lê với nhà Nguyễn. D. Nhà Trịnh với nhà Mạc

Câu 3. Nguyễn Huệ chọn địa điểm để làm trận địa quyết chiến với quân Xiêm

- A. Sông Gianh Khẩu (sông Đáy) B. Khúc sông Tiền đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút
C. Sông Bạch Đằng D. Sông Trường Giang

Câu 4. Nghĩa quân Tây Sơn dùng danh nghĩa khi tiến quân ra Bắc Hà đã nhận được sự ủng hộ của nhân dân

- A. Phù Lê diệt Nguyễn B. Phù Nguyễn diệt Trịnh
C. Phù Nguyễn diệt Lê D. Phù Lê diệt Trịnh

Câu 5. Cuối TK XIX, công nghiệp Anh đứng thứ trên thế giới

- A.1 B.2 C.3 D.4

Câu 6. Đặc điểm nổi bật của các nước Anh, Pháp cuối TK XIX – đầu TK XX là:

- A. tập trung phát triển kinh tế B. củng cố nền chính trị
C. phát triển ngân hàng D. hình thành công ty độc quyền, xâm lược thuộc địa.

Câu 7. Đầu thế kỉ XVI, tôn giáo mới được du nhập vào Việt Nam

- A. Thiên Chúa giáo. B. Đạo giáo. C. Phật giáo. D. Nho giáo.

Câu 8. Người có công lớn trong việc hình thành nên phương cách viết tiếng Việt bằng mẫu tự La-tinh là

- A. P. Đu-me. B. H. Ri-vi-e. C. F. Gác-ni-ê. D. A-lếch-xăng Đơ-Rốt

Câu 9. Các đồng bằng duyên hải miền Trung ít màu mỡ hơn là do

- A. phù sa sông và biển hình thành. B. phù sa biển và địa hình ven biển.
C. vật liệu bồi đắp đồng bằng rất ít. D. nhiều dãy núi lan sát với bờ biển.

Câu 10. Khu vực có bờ biển bồi tụ nước ta thích hợp phát triển

- A. khai thác khoáng sản. B. nuôi trồng thủy sản.
C. phát triển đường biển. D. xây dựng cảng biển.

Câu 11. Ở Bắc Bộ, vào mùa hạ gió mùa thổi theo hướng

- A. Đông Nam. B. Đông Bắc. C. Tây Nam. D. Tây Bắc.

Câu 12. Đặc điểm thời tiết vào mùa đông của miền khí hậu phía Bắc là

- A. nóng, khô và phân thành hai mùa rõ rệt.
B. đầu mùa tương đối khô, cuối mùa ẩm ướt.
C. nóng ẩm và mưa nhiều diễn ra quanh năm.
D. thời tiết lạnh buốt và khô ráo, nhiều mây.

Câu 13. Hằng năm, nước ta có lượng mưa trung bình khoảng

- A. 1300 - 2000mm/năm. B. 1200 - 1800mm/năm.
C. 1500 - 2000mm/năm. D. 1400 - 2200mm/năm.

Câu 14. Số giờ nắng nước ta nhận được mỗi năm là

- A. 1300 - 4000 giờ trong năm. B. 1400 - 3500 giờ trong năm.
C. 1300 - 3500 giờ trong năm. D. 1400 - 3000 giờ trong năm.

Câu 15. Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện qua các yếu tố

- A. nhiệt độ và số giờ nắng. B. lượng mưa và độ ẩm.
C. độ ẩm và cán cân bức xạ. D. ánh sáng và lượng mưa.

Câu 16. Gió mùa mùa đông hoạt động ở nước ta vào thời gian

- A. từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. B. từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau.
C. từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. D. từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,00 điểm)

Câu 17. (1,00 điểm)

Đánh giá vai trò của Quang Trung - Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc.

Câu 18. (2,00 điểm)

Phân tích ý nghĩa lịch sử và bài học của Công xã Pa-ri.

Câu 19. (1,00 điểm)

Cho bảng số liệu về lượng mưa của Trạm khí tượng Quy Nhơn (Bình Định)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Lượng mưa (mm)	66,8	28,2	33,0	33,8	85,2	62,2	44,2	77,2	230,6	521,0	464,3	205,5	1851,8

Dựa vào bảng số liệu hãy nêu nhận xét về lượng mưa tại trạm khí tượng Quy Nhơn (Bình Định).

Câu 20. (0,50 điểm)

Địa phương em đang sống (tỉnh Khánh Hòa) thuộc miền khí hậu nào? Hãy trình bày ngắn gọn một số hiểu biết của em về đặc điểm khí hậu của tỉnh.

Câu 21. (1,50 điểm)

Phân tích đặc điểm chung của mạng lưới sông ngòi nước ta.

--- HẾT ---

(Đề có 02 trang, giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,00 điểm).

Chọn ý trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau. Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	B	D	C	D	A	D

Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	B	A	B	C	D	B	C

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,00 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
17 (1,00 điểm)	- Đánh giá vai trò của Quang Trung - Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc. + Tham gia lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các chính quyền Nguyễn, Trịnh, Lê; đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất đất nước. + Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. + Thiết lập vương triều mới (định đô ở Phú Xuân), ban hành nhiều chính sách tiến bộ nhằm ổn định và phát triển đất nước. Trong thời gian ngắn ngủi (4 năm) kể từ khi lên ngôi hoàng đế sáng lập vương triều cho đến khi từ trần, công cuộc canh tân dựng nước cùng với những hoài bão lớn lao của vua Quang Trung tuy chưa được thực hiện đầy đủ và chưa phát huy hết tác dụng nhưng đã cho thấy tầm vóc, tài năng và ý chí của ông.	0,5 0,25 0,25
18 (2,00 điểm)	+ Giáng một đòn nặng nề vào chủ nghĩa tư bản, mở ra thời kì đấu tranh mới của giai cấp vô sản thế giới. + Sự ra đời của Công xã Pa-ri cùng những chính sách tiến bộ được thi hành cho thấy đây là hình ảnh nhà nước kiểu mới. + Công xã Pa-ri còn thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân Pháp trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm; cổ vũ nhân dân lao động thế giới đấu tranh vì một tương lai tốt đẹp; để lại nhiều bài học quý báu cho phong trào cách mạng thế giới. Để lại bài học quý báu như: thực hành chuyên chính vô sản, giành và giữ chính quyền; kết hợp giải quyết nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp; phải có đảng cách mạng chân chính lãnh đạo; sử dụng bạo lực cách mạng và tư tưởng cách mạng tiến công, kiên quyết trấn áp kẻ thù; đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; thực hiện liên minh công nông,	0.5 0.5 0.5 0.5

Câu	Nội dung đáp án	Điểm																																										
19 (1,00điểm)	Cho bảng số liệu về lượng mưa của Trạm khí tượng Quy Nhơn (Bình Định) <table><tr><th colspan="14">Quy Nhơn – tỉnh Bình Định (toạ độ: 13°77'B – 109°22'D; độ cao: 5 m)</th></tr><tr><td>Nhiệt độ (°C)</td><td>23,3</td><td>24,1</td><td>25,6</td><td>27,6</td><td>29,2</td><td>30,0</td><td>30,0</td><td>29,9</td><td>28,6</td><td>26,9</td><td>25,6</td><td>24,0</td><td>27,1</td></tr><tr><td>Lượng mưa (mm)</td><td>66,8</td><td>28,2</td><td>33,0</td><td>33,8</td><td>85,2</td><td>62,1</td><td>44,2</td><td>77,2</td><td>230,6</td><td>521,0</td><td>464,3</td><td>205,5</td><td>1 851,8</td></tr></table>	Quy Nhơn – tỉnh Bình Định (toạ độ: 13°77'B – 109°22'D; độ cao: 5 m)														Nhiệt độ (°C)	23,3	24,1	25,6	27,6	29,2	30,0	30,0	29,9	28,6	26,9	25,6	24,0	27,1	Lượng mưa (mm)	66,8	28,2	33,0	33,8	85,2	62,1	44,2	77,2	230,6	521,0	464,3	205,5	1 851,8	1,00
	Quy Nhơn – tỉnh Bình Định (toạ độ: 13°77'B – 109°22'D; độ cao: 5 m)																																											
	Nhiệt độ (°C)	23,3	24,1	25,6	27,6	29,2	30,0	30,0	29,9	28,6	26,9	25,6	24,0	27,1																														
	Lượng mưa (mm)	66,8	28,2	33,0	33,8	85,2	62,1	44,2	77,2	230,6	521,0	464,3	205,5	1 851,8																														
	Dựa vào bảng số liệu hãy nêu nhận xét về lượng mưa tại trạm khí tượng Quy Nhơn (Bình Định).																																											
	Nhận xét:	1,00																																										
	Tổng lượng mưa trong năm là 1851,8 mm, phân thành 2 mùa:	0,25																																										
+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9-12 với tổng lượng mưa là 1421,4 mm chiếm 76,7% tổng lượng mưa cả năm	0,25																																											
+ Mùa khô kéo dài từ tháng 1-8 với tổng lượng mưa là 430,4 mm, chiếm 23,3% tổng lượng mưa cả năm.	0,25																																											
+ Tổng lượng mưa của mùa mưa gấp 3,3 lần tổng lượng mưa mùa khô.	0,25																																											
20 (0,50điểm)	Địa phương em đang sống (tỉnh Khánh Hòa) thuộc miền khí hậu nào? Hãy trình bày ngắn gọn một số hiểu biết của em về đặc điểm khí hậu của tỉnh.	0,50																																										
	- Địa phương em đang sống thuộc miền khí hậu phía Nam, có khí hậu cận xích đạo gió mùa, nhiệt độ cao quanh năm trung bình năm trên 25⁰C, khí hậu có sự phân mùa sâu sắc thể hiện ở lượng mưa với sự tương phản của mùa mưa và mùa khô (mùa mưa thường ngắn khoảng 3-4 tháng từ tháng 9-12; các tháng mùa khô kéo dài). Riêng TP Nha Trang có khí hậu nhiệt đới ẩm hải dương (khí hậu tương đối mát mẻ, điều hòa)	0,50																																										
21 (1,50 điểm)	Phân tích đặc điểm chung của mạng lưới sông ngòi nước ta.	1,50																																										
	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc: Nước ta có 2360 con sông dài trên 10km. Dọc bờ biển cứ 20 km đường bờ biển có một cửa sông. Mật độ sông ngòi trung bình cả nước khoảng 0,66km/km².	0,50																																										
	+ Phần lớn các sông nước ta nhỏ ngắn và dốc.	0,25																																										
	- Sông chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung. Ngoài ra còn chảy theo hướng tây – đông hoặc đông – tây.	0,25																																										
	- Chế độ dòng chảy phân 2 mùa rất rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Mùa lũ chiếm khoảng 70-80% lượng nước cả năm.	0,25																																										
	- Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn khoảng 200 triệu tấn/năm.	0,25																																										

TỔ NHÓM TRƯỞNG

Ninh Đông, ngày 22 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI RA ĐỀ

Võ Thị Thùy Trang
Nguyễn Thị Thúy Huệ